

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2026/HNGĐ-ST**

Ngày 12/01/2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết

2. Ông Nguyễn Văn Hiền

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Sương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Đình Thị Huyền Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 218/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Đình C, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp An T, xã T, tỉnh V.

Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp An T, xã T, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Trần Thị N kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Thới A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nay là xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên ông yêu cầu ly hôn với bà N.

Ông và bà N có 02 con chung tên Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 03/02/2008 và Huỳnh Trọng T1, sinh ngày 08/02/2012, hiện nay các con đang sống với bà

N. Ông đồng ý để bà N nuôi con, ông cấp dưỡng con chung Huỳnh Trọng T1 mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với con chung Huỳnh Thị Mỹ T sắp trưởng thành nên ông không cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị N đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Huỳnh Đình C. Giao 02 con chung là Huỳnh Thị Mỹ T và Huỳnh Trọng T1 cho bà Trần Thị N nuôi, ông C cấp dưỡng con chung Huỳnh Trọng Tín mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Huỳnh Đình C yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với bà Trần Thị N, bà N có nơi cư trú tại xã Thành Thới, tỉnh Vĩnh Long nên quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Trần Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Ông Huỳnh Đình C và bà Trần Thị N kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng ông C cho rằng vợ chồng không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập bà N để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông C nhưng bà đều từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, đồng thời không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của ông C, do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của ông C bà N đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

[2.2] Ông Huỳnh Đình C và bà Trần Thị N có 02 con chung là Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 03/2/2008 và Huỳnh Trọng T1, sinh ngày 08/2/2012, các con đang sống với bà N và có nguyện vọng sống với bà N nên bà N được quyền nuôi con chung là phù hợp. Ông C đồng ý cấp dưỡng con chung Huỳnh Trọng T1, sinh ngày 08/2/2012 mỗi tháng 1.500.000 đồng. Riêng con chung Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 03/02/2008 ông C cho rằng sắp đến tuổi trưởng thành nên ông không cấp dưỡng. Xét yêu cầu của ông C là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Huỳnh Đình C khai ông và bà Trần Thị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Huỳnh Đình C phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đối với đề nghị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đình C, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Đình C được ly hôn với bà Trần Thị N.

2. Về con chung: Giao các con chung Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 03/2/2008 và Huỳnh Trọng T1, sinh ngày 08/2/2012 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi. Ông Huỳnh Đình C cấp dưỡng con chung Huỳnh Trọng T1 mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc ông C không cấp dưỡng con chung Huỳnh Thị Mỹ T.

Ông Huỳnh Đình C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc hai bên đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Huỳnh Đình C và bà Trần Thị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng ông Huỳnh Đình C phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004947 ngày 09 tháng 10 năm 2025 Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9- Vĩnh Long (ông C đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Đình C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV9-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADSKV9-Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Hương Mỹ (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ, VP (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở